

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH**Quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý,
sử dụng tài sản nhà nước**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước,

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Tài sản nhà nước được quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất, quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; máy móc, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác được giao cho các cơ quan nhà nước (bao gồm cả cơ quan Việt Nam ở nước ngoài), đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp quy định tại Luật Quản

lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi chung là tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị);

b) Tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước (bao gồm cả nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước) do cơ quan, tổ chức, đơn vị làm chủ dự án;

c) Tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi chung là tổ chức), cá nhân là người Việt Nam có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước mà theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân là người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị xử phạt theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì thực hiện theo Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải do cấp có thẩm quyền tiến hành theo đúng quy định tại Điều 27 Nghị định này và quy định chung của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải được phát hiện và bị đình chỉ kịp thời. Việc xử phạt các hành vi vi phạm hành chính phải được tiến hành nhanh chóng, đúng pháp luật; mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

3. Mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước chỉ bị xử phạt một lần. Tổ chức, cá nhân có nhiều hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thì bị xử phạt đối với từng hành vi vi phạm. Nhiều tổ chức, cá nhân cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thì mỗi tổ chức, cá nhân vi

phạm đều bị xử phạt. Việc xử phạt tổ chức hoặc xử phạt cá nhân được xác định cụ thể tại Chương II Nghị định này.

4. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này không được sử dụng tiền ngân sách nhà nước hoặc tiền có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để nộp phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra. Trường hợp xử phạt tổ chức thì sau khi chấp hành quyết định xử phạt, tổ chức bị xử phạt xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý, bao gồm cả việc nộp lại khoản tiền phạt và khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm của mình gây ra tương ứng với mức độ vi phạm của cá nhân đó theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của tổ chức.

5. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan; trường hợp không thuộc đối tượng bị xử phạt hành chính thì bị xử lý theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong xử phạt vi phạm hành chính

Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định chung của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là một (01) năm, riêng đối với các hành vi vi phạm liên quan đến tài sản là nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp là hai (02) năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

2. Trong thời hạn được quy định tại Khoản 1 Điều này mà tổ chức, cá nhân lại tiếp tục vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại Khoản 1 Điều này, mà được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 6. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Hình thức xử phạt chính:

Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước là 50.000.000 đồng.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

b) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc không thời hạn.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

c) Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra;

d) Buộc phải nộp lại vào ngân sách nhà nước khoản tiền thu được từ việc sử dụng tài sản không đúng quy định của pháp luật;

đ) Hủy hợp đồng hoặc điều chỉnh lại hợp đồng thuê tài sản; bồi thường số tiền bị phạt do phải hủy hoặc điều chỉnh hợp đồng kinh tế (nếu có).

e) Thu hồi theo quy định của pháp luật hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi đối với những tài sản nhà nước bị sử dụng sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; tài sản mua, biếu, tặng cho, trao đổi không đúng quy định; tài sản bị chiếm đoạt, cho mượn, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định.

Điều 7. Thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính, tiền bồi thường thiệt hại

1. Việc quản lý, sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về biên lai thu tiền phạt và quản lý, sử dụng tiền nộp phạt vi phạm hành chính và văn bản hướng dẫn thực hiện.

2. Tiền bồi thường thiệt hại phải được thu đúng, thu đủ và được sử dụng để chi cho việc xác định số tiền bồi thường thiệt hại và hoàn trả cho tổ chức bị thiệt hại, số còn lại được nộp ngân sách nhà nước.

Chương II

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Mục 1

VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 8. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về mua sắm tài sản nhà nước

1. Xử phạt tổ chức có hành vi thực hiện mua sắm tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có tổng giá trị một lần mua dưới 100 triệu đồng (sau đây gọi chung là tài sản có tổng giá trị một lần mua dưới 100 triệu đồng);

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) có tổng giá trị một lần mua từ 100 triệu đồng trở lên (sau đây gọi chung là tài sản có tổng giá trị một lần mua từ 100 triệu đồng trở lên) và xe ô tô;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật.

3. Xử phạt tổ chức có hành vi mua sắm tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua sắm tài sản có giá trị vượt dưới 50 triệu đồng so với tiêu chuẩn, định mức quy định;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua sắm tài sản có giá trị vượt từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng so với tiêu chuẩn, định mức quy định;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi mua sắm tài sản có giá trị vượt từ 100 triệu đồng trở lên so với tiêu chuẩn, định mức quy định.

4. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm các quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Bồi thường số tiền tương ứng với giá trị tài sản mua sắm vượt tiêu chuẩn, định mức quy định;

c) Bị thu hồi tài sản nhà nước.

Điều 9. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về thuê tài sản

1. Xử phạt tổ chức có hành vi thực hiện thuê tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền, thuê tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức, lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản không đúng quy định:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị hợp đồng thuê dưới 100 triệu đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị hợp đồng thuê từ 100 triệu đồng trở lên.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm các quy định tại Khoản 1 Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Hủy hợp đồng hoặc điều chỉnh lại hợp đồng thuê tài sản; bồi thường số tiền bị phạt do phải hủy hoặc điều chỉnh hợp đồng kinh tế (nếu có).

Điều 10. Xử phạt tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi bố trí, sử dụng tài sản có giá trị vượt dưới 50 triệu đồng so với tiêu chuẩn, định mức.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bố trí, sử dụng tài sản có giá trị vượt từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng so với tiêu chuẩn, định mức.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi bố trí, sử dụng tài sản có giá trị vượt từ 100 triệu đồng trở lên so với tiêu chuẩn, định mức.

4. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm các quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Bồi thường thiệt hại do việc bố trí, sử dụng tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức quy định gây ra;

c) Bị thu hồi tài sản nhà nước.

Điều 11. Xử phạt tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản nhà nước không đúng mục đích

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (sau đây gọi chung là tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng) không đúng mục đích.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc, tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản (sau đây gọi chung là tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên) và xe ô tô không đúng mục đích.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không đúng mục đích.

4. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm các quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

c) Bị thu hồi tài sản nhà nước sử dụng sai mục đích.

Điều 12. Xử phạt tổ chức có hành vi cho mượn tài sản nhà nước không đúng quy định

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cho mượn tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cho mượn tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cho mượn tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm các quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

c) Bồi thường thiệt hại do hành vi cho mượn tài sản gây ra;

d) Bị thu hồi tài sản nhà nước cho mượn không đúng quy định.

Điều 13. Xử phạt tổ chức có hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản nhà nước không đúng quy định

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này, tổ chức vi phạm còn bị áp dụng biện pháp thu hồi đối với tài sản biếu, tặng cho, trao đổi không đúng quy định.

Điều 14. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi lấn chiếm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Điều này còn bị tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính và áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và trả lại trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp bị lấn chiếm;

b) Buộc phá dỡ công trình đã xây dựng trên phần diện tích lấn chiếm;

c) Bồi thường thiệt hại do hành vi lấn chiếm gây ra.

Điều 15. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản nhà nước

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản nhà nước mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Điều này còn bị tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra để trả lại tổ chức; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

b) Bồi thường thiệt hại do hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản nhà nước gây ra.

Điều 16. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định

1. Xử phạt tổ chức có hành vi sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Xử phạt tổ chức có hành vi sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết làm ảnh hưởng đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

3. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về xác định giá trị của tài sản khi sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên;

c) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước có thời hạn đến mười hai (12) tháng hoặc tước không thời hạn quyền sử dụng Thẻ thẩm định viên về giá đối với các hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này do thẩm định viên về giá thực hiện theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá.

5. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

c) Bị thu hồi tài sản nhà nước;

d) Buộc phải nộp ngân sách nhà nước khoản tiền thu được từ việc sử dụng tài sản vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định.

Điều 17. Xử phạt tổ chức có hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo quy định của pháp luật và dự toán được giao

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này, tổ chức vi phạm còn bị buộc phải thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo chế độ quy định và dự toán được giao.

Điều 18. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản nhà nước

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện kê khai, lập phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản nhà nước; di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở khác phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị theo quy định của pháp luật;

b) Không xử lý hoặc báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời đối với tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả;

c) Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi thiếu trách nhiệm trong việc bảo quản tài sản nhà nước gây hư hỏng, thất thoát tài sản.

3. Xử phạt tổ chức có hành vi xử lý tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Xử phạt tổ chức có hành vi kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản đề nghị xử lý:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

5. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

c) Bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra thất thoát, hư hỏng tài sản.

Điều 19. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản nhà nước

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Quá thời hạn quy định mà vẫn chưa triển khai thực hiện phương án xử lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không thực hiện bàn giao tài sản có quyết định điều chuyển, thu hồi cho cơ quan tiếp nhận đúng thời hạn;

c) Vi phạm các quy định về thành lập Hội đồng định giá, Hội đồng thẩm định giá, Hội đồng bán đấu giá tài sản, Hội đồng tiêu hủy tài sản.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm quy định về lựa chọn tổ chức thẩm định giá, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để xử lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thông báo công khai bán đấu giá tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

3. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về xác định giá trị của tài sản, tổ chức bán đấu giá tài sản:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tài sản là xe ô tô; tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên;

c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước có thời hạn đến mười hai (12) tháng hoặc tước không thời hạn quyền sử dụng Thẻ thẩm định viên về giá, Chứng chỉ hành nghề đấu giá đối với các hành vi quy định tại Khoản 3 Điều này do thẩm định viên về giá hoặc đấu giá viên thực hiện theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá và tư pháp.

5. Ngoài hình thức xử phạt quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm còn bị buộc phải thực hiện tổ chức xử lý tài sản theo quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 20. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về việc đăng nhập và sử dụng số liệu về tài sản nhà nước

Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau:

1. Cố ý kê khai, nhập, duyệt dữ liệu tài sản nhà nước vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước không đúng quy định, làm sai lệch số liệu tài sản nhà nước;
2. Sử dụng số liệu về tài sản nhà nước trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước vào mục đích cá nhân mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu đó cho phép.

Điều 21. Xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

1. Hành vi vi phạm, hình thức và mức phạt các hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19 và 20 Nghị định này.

2. Việc xác định hành vi vi phạm liên quan đến trình tự, thủ tục về đầu tư, mua sắm, trang bị, bán, điều chuyển, thanh lý và tiêu hủy tài sản nhà nước của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được căn cứ vào quy định tại các văn bản sau:

- a) Công ước Viên năm 1961 về quan hệ ngoại giao;
- b) Hiệp định ký kết giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước sở tại;
- c) Pháp luật của nước sở tại;
- d) Pháp luật của Việt Nam.

Trường hợp giữa các văn bản nêu trên không thống nhất thì lựa chọn thực hiện theo thứ tự từ trên xuống dưới.

Mục 2

VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 22. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về trang cấp tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Xử phạt tổ chức có hành vi thực hiện mua sắm tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 8 Nghị định này.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi không thỏa thuận với cơ quan có thẩm quyền trước khi ký kết Điều ước quốc tế cụ thể về ODA về nội dung đầu tư xây dựng trụ sở làm việc, trang bị xe ô tô khác với quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Xử phạt tổ chức có hành vi không thực hiện mua sắm tập trung đối với các loại tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung theo quy định của pháp luật thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 8 Nghị định này.

4. Xử phạt tổ chức có hành vi mua sắm, trang bị tài sản vượt tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thực hiện theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 8 Nghị định này.

5. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về thuê tài sản để phục vụ công tác quản lý của các dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

Điều 23. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về sử dụng tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Xử phạt tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước vượt tiêu chuẩn, định mức thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

2. Xử phạt tổ chức có hành vi bố trí, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước không đúng mục đích thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

3. Xử phạt tổ chức có hành vi cho mượn tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước không đúng quy định thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

4. Xử phạt tổ chức có hành vi biếu, tặng cho, trao đổi tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước không đúng quy định thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

5. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi lấn chiếm trụ sở làm việc của Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

6. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

7. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cho thuê, liên doanh, liên kết không đúng quy định thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

8. Xử phạt tổ chức có hành vi không thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước theo quy định của pháp luật và dự toán được giao thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

Điều 24. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về xử lý tài sản của các dự án khi dự án kết thúc hoặc không còn nhu cầu sử dụng

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện kiểm kê, báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo thời hạn quy định;

b) Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với các tài sản do các chuyên gia ODA, nhà thầu tư vấn, giám sát chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Thiếu trách nhiệm trong việc bảo quản tài sản gây hư hỏng, thất thoát tài sản;

b) Tháo dỡ, thay đổi kết cấu, phụ tùng, linh kiện của tài sản.

3. Xử phạt tổ chức có hành vi xử lý tài sản khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 5 Điều 18 Nghị định này.

4. Xử phạt tổ chức có hành vi kê khai không đúng danh mục, hiện trạng tài sản đề nghị xử lý thực hiện theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 18 Nghị định này.

5. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Mục 3**VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CỦA NHÀ NƯỚC**

Điều 25. Xử phạt tổ chức có hành vi vi phạm quy định về xác lập quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, bảo quản, chuyển giao tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Không báo cáo cấp có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu tài sản của Nhà nước theo quy định;

b) Vi phạm quy định về thời hạn chuyển giao, hồ sơ chuyển giao tài sản cho các cơ quan chức năng để xử lý.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi sau đây:

a) Thiếu trách nhiệm trong việc bảo quản tài sản gây hư hỏng, thất thoát tài sản;

b) Tháo dỡ, thay đổi kết cấu, phụ tùng, linh kiện của tài sản.

3. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức vi phạm quy định tại Điều này còn bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

b) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của tài sản đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra; trường hợp không khôi phục lại được tình trạng ban đầu của tài sản thì phải bồi thường bằng tiền hoặc tài sản có công năng sử dụng tương đương với tài sản ban đầu;

c) Bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra thất thoát, hư hỏng tài sản.

Điều 26. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi vi phạm quy định về thời hạn lập phương án xử lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tổ chức vi phạm còn bị buộc phải thực hiện lập phương án xử lý tài sản để báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

2. Xử phạt tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về tổ chức xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT, THI HÀNH, CƯỜNG CHẾ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH

Điều 27. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 2.000.000 đồng;
- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Nghị định này;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;
- Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Nghị định này;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

2. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra các cấp:

a) Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 500.000 đồng;
- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng.

b) Chánh Thanh tra cấp Sở có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Nghị định này;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

c) Chánh Thanh tra Bộ có quyền:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;
- Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Nghị định này;
- Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

3. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này quyết định áp dụng biện pháp thu hồi tài sản nhà nước theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quyết định thu hồi.

4. Việc ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính và nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định chung của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Các cơ quan chức năng của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có trách nhiệm chuyển hồ sơ (nếu có) hoặc thông báo tới người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này để xem xét, xử lý;

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này có trách nhiệm xem xét, xử phạt theo quy định;

Cá nhân, tổ chức có thành tích trong việc phát hiện, đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

Điều 28. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện theo quy định chung của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 29. Thi hành quyết định xử phạt hành chính

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt, trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành thì thực hiện theo thời hạn đó.

2. Quá thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này mà tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành bằng các biện pháp sau đây:

a) Khấu trừ một phần tiền lương hoặc một phần thu nhập hoặc khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng; đình chỉ công tác đối với cá nhân chưa khắc phục xong hậu quả gây ra;

b) Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá theo quy định của pháp luật;

c) Các biện pháp cưỡng chế khác theo quy định chung của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để thi hành quyết định xử phạt.

3. Việc hoãn chấp hành quyết định xử phạt tiền thực hiện theo quy định chung của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Thẩm quyền, thủ tục và việc tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định chung của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 30. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2012.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định tại Nghị định này.

2. Các Bộ cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện và kiểm tra việc thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định tại Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục**DANH MỤC MẪU BIÊN BẢN, MẪU QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT
VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ,
SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 66/2012/NĐ-CP
ngày 06 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ)*

I. CÁC MẪU BIÊN BẢN

1. Mẫu biên bản số 01: Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
2. Mẫu biên bản số 02: Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
3. Mẫu biên bản số 03: Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
4. Mẫu biên bản số 04: Biên bản bàn giao tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sang cơ quan chức năng.
5. Mẫu biên bản số 05: Biên bản bàn giao hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sang cơ quan điều tra.

II. CÁC MẪU QUYẾT ĐỊNH

1. Mẫu quyết định số 01: Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
2. Mẫu quyết định số 02: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước bằng hình thức phạt tiền (Theo thủ tục đơn giản).
3. Mẫu quyết định số 03: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước bằng hình thức phạt cảnh cáo (Theo thủ tục đơn giản).
4. Mẫu quyết định số 04: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
5. Mẫu quyết định số 05: Quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
6. Mẫu quyết định số 06: Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
7. Mẫu quyết định số 07: Quyết định thu hồi tài sản nhà nước.

Mẫu biên bản số 01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-VPHC

....., ngày.... tháng.... năm...

BIÊN BẢN**Vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng.... năm..... tại.....

Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà)..... Chức vụ:
2. Ông (bà)..... Chức vụ:
3. Ông (bà)..... Chức vụ:

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Giấy Chứng minh nhân dân số: Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

2. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Giấy Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đối với:

Ông (bà)/tổ chức:.....

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Đã có hành vi vi phạm hành chính như sau:

1

Các hành vi trên đã vi phạm vào Điểm..... Khoản..... Điều..... Nghị định số..... của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

¹ Nếu có nhiều hành vi vi phạm thì ghi cụ thể từng hành vi.

Người bị thiệt hại/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):

1. Ông (bà)/tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Giấy Chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

2. Ông (bà)/tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Giấy Chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Ý kiến trình bày của người vi phạm hành chính/đại diện tổ chức vi phạm hành chính:.....

.....

Ý kiến trình bày của người làm chứng:.....

.....

Ý kiến trình bày của người bị thiệt hại/đại diện tổ chức bị thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra (nếu có):.....

.....

Ý kiến của người có thẩm quyền:.....

Yêu cầu ông (bà)/tổ chức:..... đình chỉ ngay các hành vi vi phạm.

Các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính được áp dụng gồm:.....

.....

Chúng tôi tạm giữ những tang vật, phương tiện, vi phạm hành chính và giấy tờ sau để cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

| STT | Tên tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ | Số lượng | Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng ² | Ghi chú ³ |
|-----|-----------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------|----------------------|
| | | | | |
| | | | | |

Ngoài những tang vật, phương tiện, giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

² Nếu là phương tiện ghi thêm số đăng ký.

³ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không; nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm và người chứng kiến đại diện cho gia đình, tổ chức hoặc đại diện chính quyền... (nếu có).

Yêu cầu ông (bà)/đại diện tổ chức vi phạm có mặt tại lúc giờ..... ngày..... tháng..... năm..... để giải quyết vụ vi phạm.

Biên bản được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau và được giao cho người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm một bản, một bản gửi báo cáo người có thẩm quyền xử phạt và.....

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):.....

Biên bản này gồm..... trang, được những người có mặt cùng ký xác nhận vào từng trang.

**NGƯỜI VI PHẠM
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)**
(Ký, ghi rõ họ tên)⁴

**NGƯỜI BỊ THIẾT HẠI (nếu có)
(HOẶC TỔ CHỨC BỊ THIẾT HẠI)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

⁴ Nếu người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký, ghi rõ lý do không ký biên bản.

Mẫu biên bản số 02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-TGTVPT

....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN

**Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

Căn cứ Điều 46 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số..... của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số/QĐ-TGTVPT ngày... tháng... năm... của.....;

Để có cơ sở xác minh thêm vụ việc vi phạm hành chính/hoặc ngăn chặn ngay hành vi vi phạm hành chính,

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà) Chức vụ:.....

2. Ông (bà) Chức vụ:.....

Bên vi phạm hành chính là:

Ông (bà)/tổ chức:.....

Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:.....

Địa chỉ:.....

Giấy chứng minh nhân dân số/QĐ thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Giấy Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

2. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Giấy Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Tiến hành lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính gồm:

| STT | Tên tang vật, phương tiện, giấy tờ bị tạm giữ | ĐV tính | Số lượng | Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng ¹ | Ghi chú ² |
|-----|-----------------------------------------------|---------|----------|---------------------------------------------------------|----------------------|
| | | | | | |

Ngoài những tang vật, phương tiện bị tạm giữ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm bất kỳ thứ gì khác.

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau và được giao cho cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm một bản, cơ quan lập biên bản một bản.

Biên bản gồm..... trang, được cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm, người làm chứng, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):.....

.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ

(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI VI PHẠM HOẶC
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM**

(Ký, ghi rõ họ tên)³

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nếu có)

¹ Nếu là phương tiện ghi thêm số đăng ký.

² Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không; nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm và người chứng kiến đại diện cho gia đình, tổ chức hoặc đại diện chính quyền... (nếu có).

³ Nếu người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký, ghi rõ lý do không ký biên bản.

Mẫu biên bản số 03

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-TTTVPT

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN

**Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính/Quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số..... ngày... tháng... năm..... của
..... về.....

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng.... năm..... tại.....

Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà): Chức vụ:

2. Ông (bà): Chức vụ:

Bên vi phạm hành chính là:

Ông (bà)/tổ chức:¹

Nghề nghiệp (lĩnh vực hoạt động):

Địa chỉ:

Giấy chứng minh nhân dân/QĐ thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Giấy Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

¹ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

2. Ông (bà):..... Nghề nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Giấy Chứng minh nhân dân số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Tiến hành lập biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính gồm:

| STT | Tên tang vật, phương tiện | ĐV tính | Số lượng | Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện ² | Ghi chú ³ |
|-----|------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

Ngoài những tang vật, phương tiện bị tịch thu nêu trên, chúng tôi không thu giữ thêm bất kỳ thứ gì khác.

Biên bản được lập thành hai bản có nội dung và giá trị như nhau và được giao cho cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm một bản, cơ quan lập biên bản một bản.

Biên bản gồm..... trang, được cá nhân/đại diện tổ chức vi phạm, người làm chứng, người lập biên bản ký xác nhận vào từng trang.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):.....

.....

**NGƯỜI VI PHẠM
(HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM)**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

² Nếu là phương tiện ghi thêm số đăng ký.

³ Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không; nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm và người chứng kiến đại diện cho gia đình, tổ chức hoặc đại diện chính quyền ... (nếu có).

Mẫu biên bản số 04

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB- BGTVP

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN**Bàn giao tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sang cơ quan chức năng**

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..... ngày..... tháng... năm..... của về

Căn cứ Biên bản tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số ngày tháng ... năm của

Hôm nay, hồi ... giờ ngày tháng năm tại

Chúng tôi gồm:

Đại diện bên giao:

1. Ông (bà): Chức vụ:

Đơn vị:

2. Ông (bà): Chức vụ:

Đơn vị:

Đại diện bên nhận:

1. Ông (bà): Chức vụ:

Đơn vị:

2. Ông (bà): Chức vụ:

Đơn vị:

Tiến hành bàn giao tang vật, phương tiện vi phạm hành chính gồm:

| STT | Tên tang vật, phương tiện | ĐV tính | Số lượng | Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện ¹ | Ghi chú ² |
|-----|---------------------------|---------|----------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

¹ Nếu là phương tiện ghi thêm số đăng ký.

² Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không; nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm và người chứng kiến đại diện cho gia đình, tổ chức hoặc đại diện chính quyền ... (nếu có).

Các ý kiến của bên nhận (nếu có)

.....
.....

Hai bên đã giao nhận đầy đủ tang vật, phương tiện vi phạm nói trên. Việc giao nhận kết thúc hồi ... giờ ngày tháng năm

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản.

Biên bản được lập thành hai bản, mỗi bên giữ một bản.

Biên bản gồm trang, được đại diện bên nhận và đại diện bên giao ký xác nhận vào từng trang.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu biên bản số 05

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN LẬP BIÊN BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-BGHSTVPT

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Bàn giao hồ sơ, tang vật, phương tiện
vi phạm hành chính sang cơ quan điều tra**

Căn cứ Quyết định số..... ngày.... tháng ... năm... của.....
về việc chuyển hồ sơ vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản
nhà nước sang cơ quan điều tra;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....

Chúng tôi gồm:

Đại diện bên giao:

1. Ông (bà): Chức vụ:

Đơn vị:

2. Ông (bà): Chức vụ:

Đơn vị:

Đại diện bên nhận:

1. Ông (bà): Chức vụ:

Đơn vị:

2. Ông (bà): Chức vụ:

Đơn vị:

Tiến hành bàn giao hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bao gồm:

| TT | Tên tang vật, phương tiện | ĐV tính | Số lượng | Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện ¹ | Ghi chú ² |
|----|------------------------------|------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

¹ Nếu là phương tiện ghi thêm số đăng ký.

² Ghi rõ tang vật, phương tiện có được niêm phong không; nếu có niêm phong thì trên niêm phong phải có chữ ký của người vi phạm và người chứng kiến đại diện cho gia đình, tổ chức hoặc đại diện chính quyền ... (nếu có).

Các ý kiến của bên nhận:

.....
.....

Hai bên đã giao nhận đầy đủ hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm nói trên.
Việc giao nhận kết thúc hồi giờ ngày..... tháng..... năm

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản. Biên bản được lập thành hai bản, mỗi bên giữ một bản;

Biên bản gồm trang, được đại diện bên nhận và đại diện bên giao ký xác nhận vào từng trang.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu quyết định số 01

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-TGTVPT

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

Căn cứ Điều 46 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm
hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số của Chính phủ quy định

Tôi: Chức vụ:

Đơn vị công tác:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm giữ các tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của:

- Ông (bà)/tổ chức:¹

- Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:

- Địa chỉ:

- Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính:

.....²

Quy định tại Điểm..... Khoản..... Điều..... Nghị định số
..... của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành
chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

¹ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

² Nếu có nhiều hành vi vi phạm thì ghi cụ thể từng hành vi.

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được lập thành biên bản (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức:để chấp hành.

2.

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu quyết định số 02

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-XPHC

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản
nhà nước bằng hình thức phạt tiền (Theo thủ tục đơn giản)**

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số ngày tháng năm

Xét hành vi vi phạm hành chính do ông (bà)/tổ chức:
..... thực hiện tại

Tôi: Chức vụ:

Đơn vị công tác:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục đơn giản đối với:

- Ông (bà)/tổ chức:¹

- Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:

- Địa chỉ:

- Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Bằng hình thức phạt tiền với mức phạt là:đồng.

(Ghi bằng chữ:)

¹ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính:
²

Hành vi của ông (bà)/tổ chức..... đã vi phạm quy định tại Điều Khoản..... Điều Nghị định số của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 Quyết định này phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt trong thời hạn ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt.

Quá thời hạn này, nếu ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 Quyết định này cố tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành và phải chịu mọi phí tổn cho việc tổ chức cưỡng chế.

Số tiền phạt phải nộp tại điểm thu tiền phạt là: tại Kho bạc Nhà nước

Ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 Quyết định này có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật. Việc khiếu nại, khởi kiện của ông (bà)/tổ chức không làm đình chỉ việc thi hành quyết định xử phạt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này được giao cho:

1. Ông (bà)/tổ chức: để chấp hành.
2. Kho bạc để thu tiền phạt.
3.

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

² Nếu có nhiều hành vi vi phạm thì ghi cụ thể từng hành vi.

Mẫu quyết định số 03

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-XPHC

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản
nhà nước bằng hình thức phạt cảnh cáo (Theo thủ tục đơn giản)**

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều Nghị định số của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Xét hành vi vi phạm hành chính do ông (bà)/tổ chức
thực hiện tại:.....

Tôi: Chức vụ:

Đơn vị công tác:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt cảnh cáo theo thủ tục đơn giản đối với:

- Ông (bà)/tổ chức:¹

- Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:

- Địa chỉ:

- Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính:

.....

.....²

¹ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

² Nếu có nhiều hành vi vi phạm thì ghi cụ thể từng hành vi.

Quy định tại Điều..... Khoản..... Điều..... Nghị định số..... của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức: để chấp hành.

2.

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu quyết định số 04

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-XPHC

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực
quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều.... Nghị định số..... của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số..... ngày..... tháng..... năm.....;

Xét hành vi vi phạm hành chính do ông (bà)/tổ chức
thực hiện tại:.....;

Tôi: Chức vụ: Đơn vị công tác:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

- Ông (bà)/tổ chức:¹

- Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:

- Địa chỉ:

- Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Với các hình thức sau:

1. Hình thức xử phạt chính:

Cảnh cáo/phạt tiền với mức phạt là..... đồng
(Bằng chữ:.....)

2. Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có):

a) Tước quyền sử dụng giấy phép/Chứng chỉ hành nghề:

¹ Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính bao gồm:.....

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có):

Lý do:

Đã có hành vi vi phạm hành chính:.....

²

Hành vi của ông (bà)/tổ chức..... đã vi phạm quy định tại Điểm.... Khoản..... Điều..... Nghị định số..... của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 2. Ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 Quyết định này phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt trong thời hạn..... ngày, kể từ ngày được giao Quyết định xử phạt.

Quá thời hạn này, nếu ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 Quyết định này cố tình không chấp hành Quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành và phải chịu mọi phí tổn cho việc tổ chức cưỡng chế.

Số tiền phạt phải nộp tại điểm thu tiền phạt là: tại Kho bạc Nhà nước

Ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 Quyết định này có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật. Việc khiếu nại, khởi kiện của ông (bà)/tổ chức không làm đình chỉ việc thi hành quyết định xử phạt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này được giao cho:

1. Ông (bà)/tổ chức:..... để chấp hành.

2. Kho bạc để thu tiền phạt.

3.

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

² Nếu có nhiều hành vi vi phạm thì ghi cụ thể từng hành vi.

Mẫu quyết định số 05

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-TLTVPT

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Điều ... Nghị định số của Chính phủ quy định về
.....¹

Căn cứ:

Tôi: Chức vụ:

Đơn vị công tác:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho:

- Ông (bà)/tổ chức:²

- Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động:

- Địa chỉ:

- Giấy chứng minh nhân dân/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Lý do:
.....
.....

¹ Ghi cụ thể Điều của Nghị định nào quy định thẩm quyền của người ra quyết định.

² Nếu là tổ chức ghi họ tên, chức vụ người đại diện cho tổ chức.

Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được trả lại gồm:

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này được gửi cho:

1. Ông (bà)/tổ chức: để thực hiện.
2. Ông (bà)/tổ chức: để biết.
3. Ông (bà)/tổ chức:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu quyết định số 06

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-TTVP , ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính
 trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước**

Căn cứ Điều 35 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2008;

Căn cứ Điều 11 Nghị định số 70/2006/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ quy định việc quản lý tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số.... ngày.... tháng... năm.... của

Tôi: Chức vụ:

Đơn vị công tác:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tịch thu các tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bao gồm:

| STT | Tên tang vật, phương tiện | ĐV tính | Số lượng | Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện ¹ | Ghi chú |
|-----|---------------------------|---------|----------|-------------------------------------------------------------------------------|---------|
| | | | | | |
| | | | | | |

¹ Nếu là phương tiện ghi thêm số đăng ký

Vì không xác định được chủ sở hữu/người quản lý/người sử dụng hợp pháp hoặc những người này không đến nhận.

Việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được lập thành biên bản (kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này được gửi cho cơ quan tài chính có thẩm quyền hoặc Trung tâm dịch vụ bán đấu giá hoặc Kho bạc Nhà nước.

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu quyết định số 07

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-THTSNN

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Thu hồi tài sản nhà nước**

Căn cứ Nghị định số..... ngày.... tháng.... năm..... của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số ngày..... tháng năm của

Tôi: Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi các tài sản nhà nước bao gồm:

| STT | Tên tài sản | ĐV tính | Số lượng | Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ, tình trạng tang vật, phương tiện ¹ | Ghi chú ² |
|-----|-------------|---------|----------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |

Điều 2. Tài sản nêu tại Điều 1 Quyết định này được giao cho để báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này gồm trang, được đóng dấu giáp lai giữa các trang.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Nếu là phương tiện ghi thêm số đăng ký

² Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, đơn vị hiện đang quản lý tài sản bị thu hồi.